

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/DS-ST

Ngày: 18-10-2018.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ly.

Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1976. (Có mặt)

Cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1979. (Có mặt)

Bà Huỳnh Ánh T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày: Do chỗ quen biết, bà có cho ông P vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/11/2016 âm lịch ông P vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 20/12/2016 âm lịch ông P đến nhà vay thêm 10.000.000 đồng.

Hai lần vay tiền bà ghi lại và làm chung một biên nhận do ông P ký tên. Khi giao tiền bà trực tiếp giao cho ông P, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, ông P chưa đóng lãi cho bà. Nay bà yêu cầu ông P, bà T trả số tiền vay còn nợ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/12/2016 đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Ngô Văn P trình bày: Ông và bà Huỳnh Ánh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, ông có vay tiền của bà C, thời gian vay tiền không nhớ rõ, vay tiền bà C 02 lần tổng cộng số tiền vay 20.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 20/12/2016 với số tiền 10.000.000 đồng còn lần mượn thêm 10.000.000 đồng thì không có làm biên nhận, phần nội dung ghi “20.000.000, 30.000.000, 1/1/16” trong biên nhận bà C cung cấp không phải do ông ghi, chữ ký trong biên nhận do ông ký tên. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng mỗi ngày ông đóng lãi cho bà C 5.000 đồng, số tiền tiền vay 20.000.000 đồng ông đóng lãi ngày 100.000 đồng, ông đóng lãi khoảng 15 ngày với số tiền 1.500.000 đồng, đóng lãi không có làm biên nhận và không ai biết việc ông đóng lãi cho bà C. Ông vay tiền để tiêu xài cá nhân chứ không có kinh doanh, phụ giúp gia đình, khi vay tiền vợ ông không biết. Nay thừa nhận còn nợ bà C số tiền 20.000.000 đồng xin trả dần tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, còn phần lãi do khó khăn xin không trả.

Tại tờ tự khai ngày 31/7/2018 bị đơn bà Huỳnh Ánh T trình bày: Bà và ông P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, số tiền 30.000.000 đồng bà C yêu cầu bà cùng trả với ông P bà không đồng ý. Số tiền này ông P vay để làm gì bà không biết, khi vay tiền ông P không nói với bà, bà C cũng không cho bà biết.

Tại phiên tòa, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà C với ông P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và thể hiện bằng biên nhận nợ do ông P ghi. Ông P cho rằng ông vay tiền của bà C để tiêu xài cá nhân, bà T không biết. Tuy nhiên, ông P và bà T là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên bà T có nghĩa vụ cùng với ông P trả nợ.

Đối với biên nhận nợ ngày 20/12/2016 bà C là người giữ bản chính; đồng thời bà cũng thừa nhận có ghi thêm nội dung “20.000.000”, “30.000.000”, “1/1/2016” và số “3” trước dòng chữ “mười triệu”, bản chính biên nhận nợ do bà C cung cấp cho Tòa án bị rách phía trên dòng chữ có nội dung “Mười triệu”. Nhận thấy, chứng cứ do bà C cung cấp không rõ ràng và số “3” được ghi thêm vào trước dòng chữ “Mười triệu”, nội dung ghi thêm này không được ông P thừa nhận. Mặt khác, bà C cho rằng ông P mượn số tiền 20.000.000 đồng vào ngày

01/11a/2016, nhưng trong biên nhận lại ghi 1/1a/2016, cho nên số tiền 20.000.000 đồng ghi trong biên nhận là không có cơ sở. Từ đó, có căn cứ ông P chỉ nợ bà C 20.000.000 đồng.

Về lãi suất, do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C, nên bà C yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/12a/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp theo Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Riêng, đối với việc ông P trình bày đã đóng lãi được 2.500.000 đồng, bà C thừa nhận có nhận lãi 2.400.000 đồng, ông P không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi 2.500.000 đồng, nên chấp nhận theo lời trình bày của bà C. Tuy nhiên, lãi suất các bên thỏa thuận là cao, nên cần điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc ông P xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và không đóng lãi, không được bà C đồng ý nên không xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Vũ Thị C khởi kiện ông Ngô Văn P, bà Huỳnh Ánh T, ông P, bà T cư trú tại ấp T, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Huỳnh Ánh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét vắng mặt đối với bà Huỳnh Ánh T.

[2]. Giữa bà Vũ Thị C với ông Ngô Văn P có xác lập hợp đồng vay tài sản, chứng cứ bà C cung cấp cho Tòa án là biên nhận nợ ngày 20/12/2016, vay không thỏa thuận thời hạn, bà C cho rằng lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông P cho rằng lãi suất 15%/tháng. Các hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, số tiền vay các bên không thống nhất nên phát sinh tranh chấp. Bà C cho rằng ông P còn nợ bà 30.000.000 đồng, ông P không thừa nhận, chỉ thừa nhận còn nợ bà C 20.000.000 đồng.

Biên nhận nợ bà C cung cấp, các đương sự thừa nhận nội dung “Tôi Ngô Văn P sinh năm 1979 ấp L, C, AG có mượn bà chị Bích Chi 10.000.000 đồng (Mười triệu) ngày 20/12/2016” và chữ ký, chữ viết họ tên là do ông P ghi. Nội

dung “1/1/2016”, số “20.000.000”, “30.000.000” và số 3 trước dòng chữ “Mười triệu” do bà C ghi thêm.

Xét thấy, biên nhận này bà C đã tự ý ghi thêm vào các chữ số 20.000.000, 30.000.000 và số 3 khi chưa được sự đồng ý của ông P, do đó không thể hiện được tính khách quan và tính hợp pháp của chứng cứ nên biên nhận này không có giá trị pháp lý để khẳng định ông P còn nợ bà C 30.000.000 đồng.

Ông P thừa nhận còn nợ bà C 20.000.000 đồng, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do ông P đã vi phạm nghĩa vụ nên ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền này.

Đối với yêu cầu của bà C yêu cầu bà Huỳnh Ánh T liên đới với ông P trả nợ cho bà. Đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chi xài trong gia đình, do đó bà T phải có trách nhiệm liên đới với ông P trả nợ là phù hợp điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/12/2016al (nhằm ngày 17/01/2017dl) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Ông P cho rằng đã trả lãi cho bà C tổng cộng 2.500.000 đồng, bà C chỉ thừa nhận đã nhận lãi 2.400.000 đồng. Hợp đồng vay này không thời hạn, các bên thỏa thuận lãi suất cao hơn quy định và không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của bà C tại phiên Tòa đối với số tiền lãi đã thỏa thuận và đã nhận của ông P để làm cơ sở để căn trừ.

Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 20/12/2016al thỏa thuận cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 20/12/2016al (ngày 17/01/2017dl) đến ngày 18/10/2018dl = 639 ngày.

$20.000.000 \text{ đồng} \times 639 \text{ ngày} \times 20\%/\text{năm} = 7.100.000 \text{ đồng}.$

$7.100.000 \text{ đồng} - 2.400.000 \text{ đồng} = 4.700.000 \text{ đồng}.$

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông P, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C 20.000.000 đồng tiền vốn và 4.700.000 đồng tiền lãi là phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, ông P cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả dần cho bà C mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ và xin không trả phần lãi suất. Yêu cầu này của ông P không được bà C đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4]. Về án phí, Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không

được chấp nhận. Ông Ngô Văn P, bà Huỳnh Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bà C được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C.

- Buộc ông Ngô Văn P, bà Huỳnh Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tiền vốn và 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền lãi. Tổng cộng 24.700.000 (hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C đối với yêu cầu ông Ngô Văn P và bà Huỳnh Ánh T liên đới trả cho bà 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền vốn.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn P, bà Huỳnh Thị T liên đới chịu 1.235.000 (một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị C phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019674 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà Vũ Thị C được nhận lại 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới